



**TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH VĨNH PHÚC**

INFOGRAPHIC



**KINH TẾ - XÃ HỘI
TỈNH VĨNH PHÚC
QUÝ I NĂM 2023**

Tăng trưởng Kinh tế

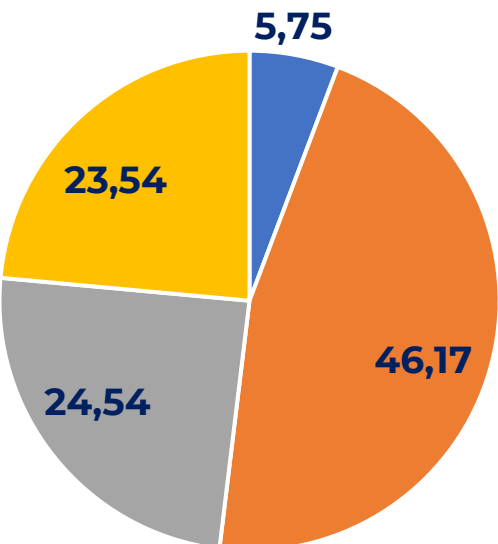


2,47%

GRDP

Quý I năm 2023

Cơ cấu GRDP (%)



- Nông, lâm nghiệp và thủy sản
- Công nghiệp và xây dựng
- Dịch vụ
- Thuế sản phẩm

Tốc độ tăng GRDP chia theo khu vực kinh tế

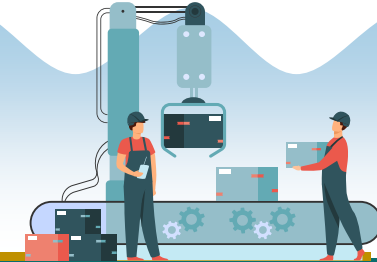
▲ 2,46%

▼ 6,69%

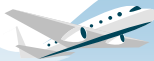
▲ 8,91%



Nông, lâm nghiệp
& thủy sản



Công nghiệp &
xây dựng



Dịch vụ

Gieo trồng vụ Xuân năm 2023

29.030 ha

▼ 1,07%



Lúa

1.944 ha

▼ 6,66%



Ngô

2.354 ha

▼ 9,61%



Rau các loại

Sản lượng chăn nuôi

Quý 1/2023 so với cùng kỳ

▲ 6,60%

▲ 3,30%

▲ 3,31%

▼ 3,02%



Sữa bò tươi



Thịt lợn



Thịt gia cầm



Thịt trâu, bò

Sản lượng gỗ khai thác

▲ 3,07%



Sản lượng thủy sản

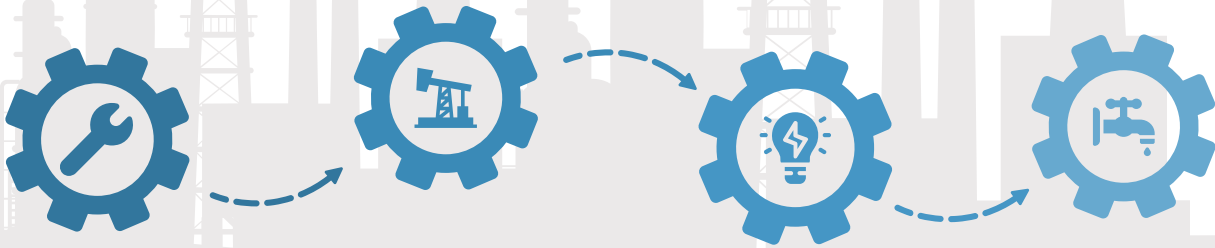
▲ 2,52%

Quý 1/2023 so với cùng kỳ

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất công nghiệp

Quý 1/2023 so với cùng kỳ



▼ 8,10%

▼ 48,69%

▲ 0,23%

▲ 6,43%

Chế biến, chế tạo

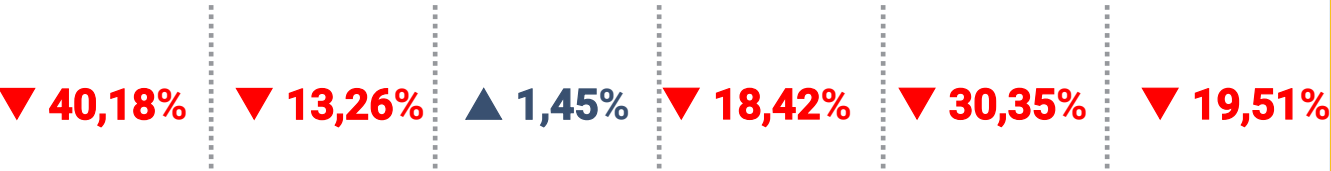
Khai khoáng

Sản xuất và phân
phối điện

Cung cấp nước và
xử lý nước thải

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu

Quý 1/2023 so với cùng kỳ



▼ 40,18%

▼ 13,26%

▲ 1,45%

▼ 18,42%

▼ 30,35%

▼ 19,51%



Xe ô tô



Xe máy



Linh kiện
điện tử



Giày thể
thao



Gạch ốp lát



Thức ăn
gia súc

Chỉ số tiêu thụ

▼ 18,48%

Tháng 3 so với cùng kỳ

Chỉ số tồn kho

▲ 0,63%

Tháng 3 so với tháng trước

HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Quý 1/2023 so với cùng kỳ)

GIÁ TRỊ SẢN XUẤT

Ngành xây dựng theo giá hiện hành ước thực hiện **6.413** tỷ đồng, giảm **6,69%** so với cùng kỳ



Công trình nhà ở thực hiện

▲ 4,0%

Công trình nhà không để ở thực hiện

▲ 1,35%

Công trình kỹ thuật dân dụng thực hiện

▲ 1,91%

Hoạt động xây dựng chuyên dụng

▲ 6,22%



Tình hình đăng ký doanh nghiệp

(Tính đến ngày 15/3/2023)



304

Doanh nghiệp thành lập mới



130

Doanh nghiệp hoạt động trở lại



426

Doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động



19

Doanh nghiệp giải thể

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh

(Quý 1/2023 so với cùng kỳ)

Vốn đầu tư Nhà nước

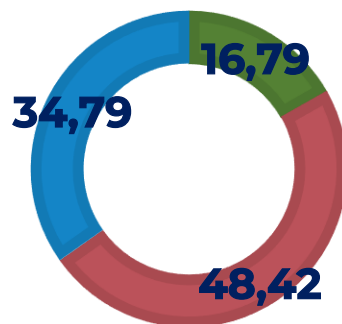
▲ 9,04%

Vốn đầu tư ngoài Nhà nước

▲ 14,65%

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

▼ 22,39%



Cơ cấu vốn NSNN(%)

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

(Tính đến ngày 15/3/2023)



06

Dự án cấp mới



10

Dự án điều chỉnh vốn



65,21
triệu USD

Vốn đăng ký cấp mới



109,59
triệu USD

Vốn đăng ký điều chỉnh

Thu hút đầu tư trong nước (DDI)

(Tính đến ngày 15/3/2023)



03

Dự án điều chỉnh vốn



2.508 tỷ đồng

Vốn đăng ký điều chỉnh

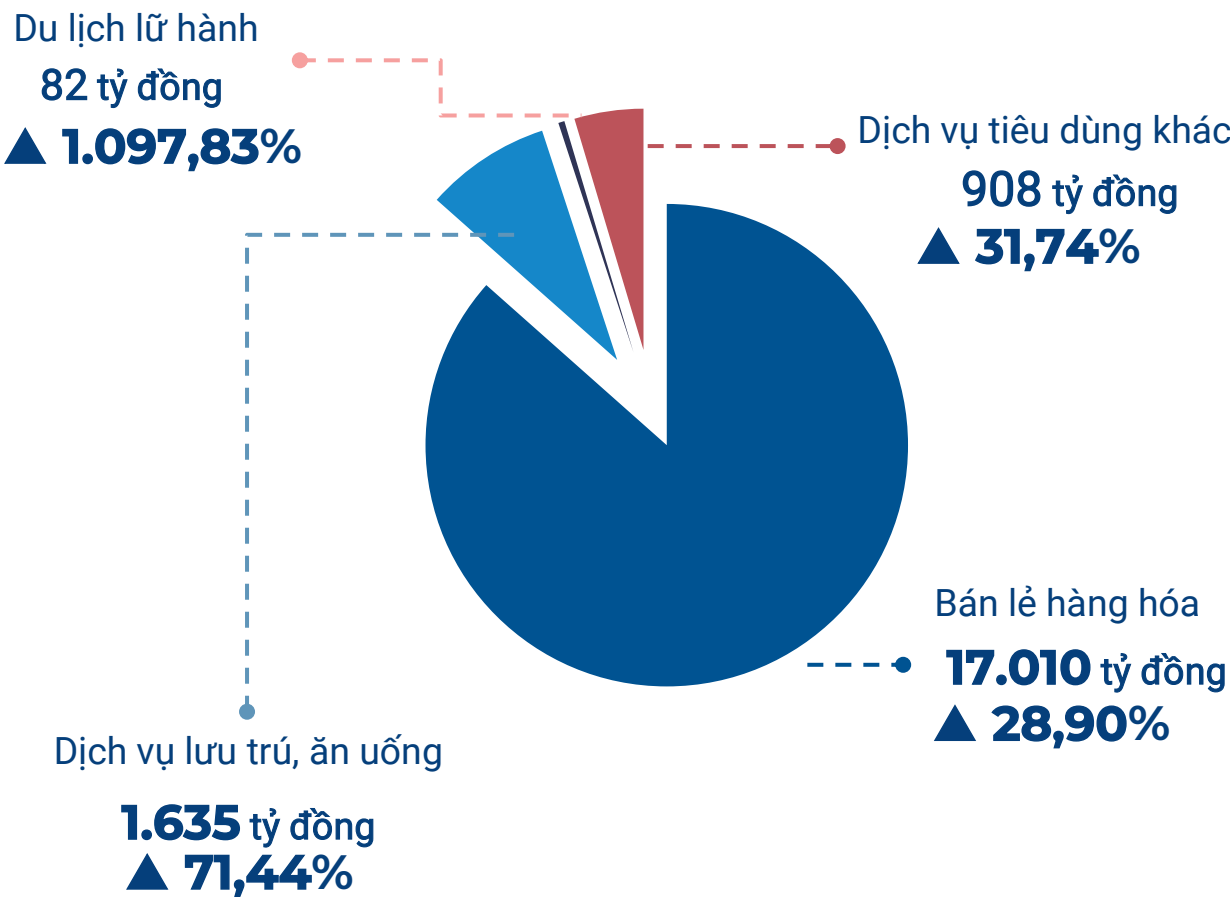


VĨNH PHÚC

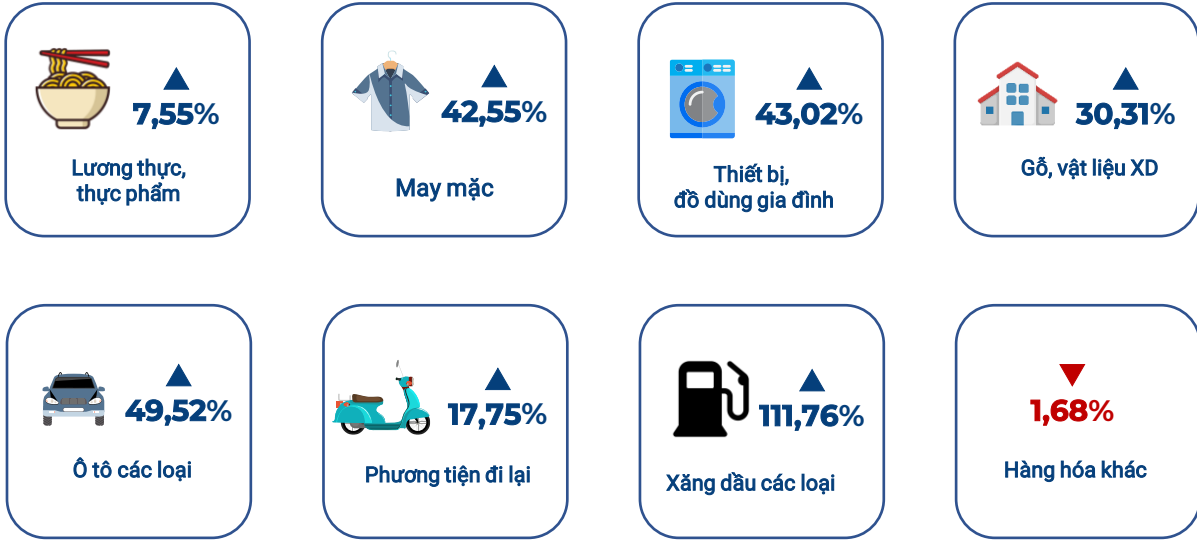
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

(Quý 1/2023 so với cùng kỳ)



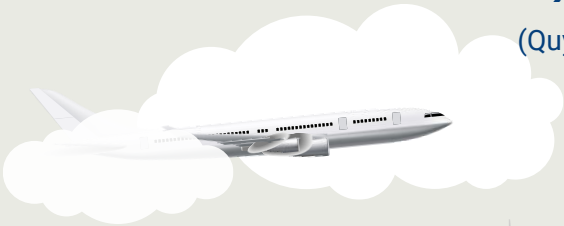
Doanh thu bán lẻ hàng hóa (Một số nhóm hàng quý 1/2023 so với cùng kỳ)



XUẤT NHẬP KHẨU VÀ VẬN TẢI

Xuất nhập khẩu

(Quý 1/2023 so với cùng kỳ)



Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu

2.793 triệu USD

▲ 1,05%

Xuất khẩu

2.818 triệu USD

▼ 3,43%

Nhập khẩu



Vận tải hành khách

(Quý 1/2023 so với cùng kỳ)



Vận chuyển

▲ 58,42%

Luân chuyển

▲ 39,69%

Vận tải hàng hóa

(Quý 1/2023 so với cùng kỳ)

Vận chuyển

▲ 26,31%

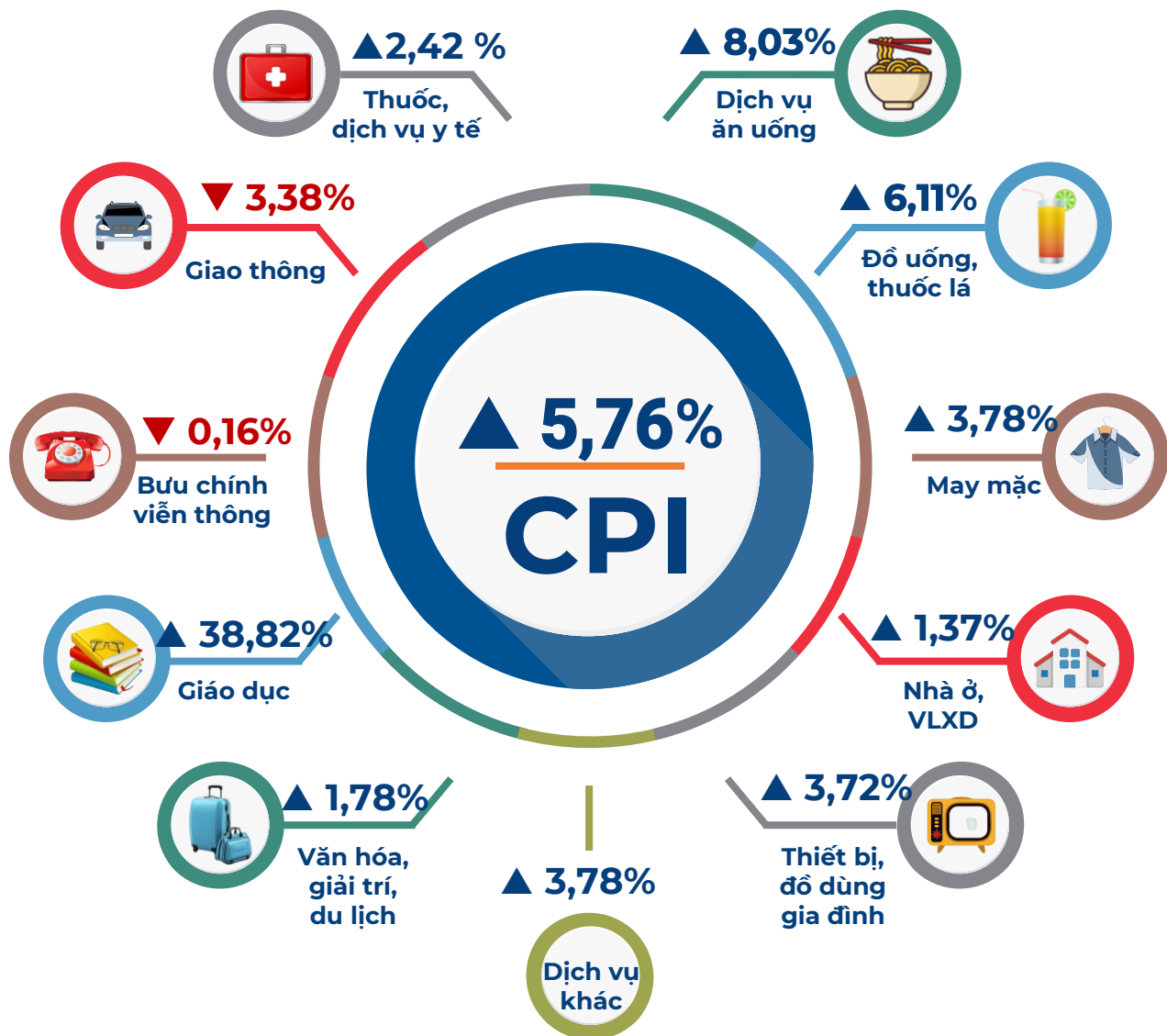
Luân chuyển

▲ 33,38%



CHỈ SỐ GIÁ

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 3 tháng đầu năm
(so với cùng kỳ năm trước)



Chỉ số giá vàng

▼ **1,88%**

Chỉ số giá đô la mỹ

▲ **2,35%**



Thu chi ngân sách nhà nước

(Tính đến 15/3/2023)



Thu Ngân sách NN

Chi Ngân sách NN

Hoạt động ngân hàng, tín dụng

(Tính đến 31/3/2023)

116.000 tỷ đồng

Tổng dư nợ cho vay,
tăng **0,18%** so với cuối năm 2022

117.800 tỷ đồng

Tổng nguồn vốn huy động,
tăng **1,63%** so với cuối năm 2022



Bảo hiểm xã hội

(Tính đến 31/3/2023)

Tham gia BHXH
246.009 người

39,9%



Lực lượng lao động

Tham gia BHYT
1.114.289 người

92,1%



Dân số

MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Vi phạm môi trường

(3 tháng đầu năm 2023)

Phát hiện **56** vụ vi phạm môi trường

Đã xử lý **56** vụ

Tổng số tiền xử phạt **1,15** tỷ đồng



An toàn giao thông

(3 tháng đầu năm 2023)

Xảy ra **04** vụ tai nạn giao thông

03 người chết

02 người bị thương



Cháy nổ

(3 tháng đầu năm 2023)

Xảy ra **07** vụ cháy

Thiệt hại **2,5** triệu đồng



MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VĨNH PHÚC VÀ CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

Ước thực hiện quý 1/2023 so với cùng kỳ

	Tốc độ phát triển GRDP (%)	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (%)	Tốc độ tăng tổng mức BLHH-DVTD (%)	Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện (%)
Vĩnh Phúc	97,53	92,02	132,29	97,60
Hà Nội	105,80	100,81	109,96	108,61
Bắc Ninh	88,15	81,33	126,96	115,81
Quảng Ninh	108,06	106,47	112,29	103,07
Hải Dương	108,35	112,30	116,60	113,59
Hải Phòng	109,65	113,12	113,77	110,62
Hưng Yên	108,14	107,01	113,03	72,41
Thái Bình	108,26	113,86	117,95	108,67
Hà Nam	104,05	105,22	143,79	105,70
Nam Định	107,70	112,17	114,00	113,20
Ninh Bình	108,45	100,36	142,96	88,70

CỤC THỐNG KÊ TỈNH VĨNH PHÚC

Địa chỉ: 20 Lý Thái Tổ, Đồng Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc

Điện thoại: 0211 3 861 139

Website: <https://www.thongkevinhphuc.gov.vn>

Email: vinhphuc@gso.gov.vn

Infographic số liệu kinh tế - xã hội được phát hành kèm theo Báo cáo số 172/BC-CTK ngày 25/3/2023 của Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc.